

Số: 573/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Công Thương. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Công Thương thực hiện theo hình thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu:

1. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ.
2. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực đào tạo.
3. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác.
4. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực y tế.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Bộ trưởng Bộ Công Thương:

a) Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn, nội dung, quy trình cung cấp dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật và hướng dẫn triển khai việc thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại Điều 1 Quyết định này.

b) Phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành khung giá và giá các loại hình dịch vụ để áp dụng cho các đối tượng thụ hưởng dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước.

c) Căn cứ tình hình thực tế thực hiện từng giai đoạn, kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung danh mục cho phù hợp.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ danh mục dịch vụ sự nghiệp công quy định tại Điều 1 Quyết định này quyết định hoặc phân cấp cho cơ quan trực thuộc lựa chọn đơn vị sự nghiệp công để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo hình thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu.

3. Ngoài các danh mục dịch vụ sự nghiệp công quy định tại Điều 1 Quyết định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định về đối tượng hưởng dịch vụ tại Quyết định này sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định tại các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, PL, KTTH, ĐMDN, NC, TCCV;
- Lưu: VT, CN (3).KN 204

KT. THỦ TƯỚNG  
BỘ THỦ TƯỚNG  
  
Vương Đình Huệ



**DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG  
SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG**

*Bản này kèm theo Quyết định số 573/QĐ-TTg  
ngày 26 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ)*

| STT       | DANH MỤC DỊCH VỤ   |
|-----------|--|
| <b>I</b>  | <b>DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG THUỘC LĨNH VỰC<br/>NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</b>   |
| 1         | Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ  |
|           | Hoạt động nghiên cứu cơ bản, xây dựng cơ chế, chính sách, kế hoạch<br>phát triển khoa học và công nghệ   |
|           | Hoạt động nghiên cứu phát triển, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới<br>công nghệ   |
| 2         | Hoạt động khoa học và công nghệ  |
|           | Hoạt động thông tin khoa học và công nghệ  |
|           | Hợp tác, hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ   |
|           | Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng   |
|           | Hoạt động sở hữu trí tuệ   |
|           | Hoạt động chuyển giao công nghệ  |
| <b>II</b> | <b>DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG THUỘC LĨNH VỰC<br/>ĐÀO TẠO</b>  |
| 1         | Nhóm dịch vụ giáo dục nghề nghiệp  |
|           | Dịch vụ đào tạo sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 6 tháng cho ngành,<br>nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đào tạo theo chương trình,<br>đề án, nhiệm vụ được giao |
|           | Dịch vụ đào tạo trung cấp  |
|           | Dịch vụ đào tạo cao đẳng   |
|           | Dịch vụ đào tạo liên thông trung cấp - cao đẳng  |
| 2         | Nhóm dịch vụ giáo dục đại học  |
|           | Dịch vụ đào tạo liên thông cao đẳng - đại học  |
|           | Dịch vụ đào tạo đại học  |
|           | Dịch vụ đào tạo sau đại học  |

|            |   |
|------------|---|
| 3          | Nhóm dịch vụ giáo dục thường xuyên  |
|            | Dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ (tin học, ngoại ngữ, hội nhập kinh tế quốc tế, quản lý, chuyên môn...) bao gồm: Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; đào tạo cán bộ quản lý doanh nghiệp nhỏ và vừa, các cá nhân, tổ chức có nguyện vọng thành lập doanh nghiệp; đào tạo cho các đối tượng khác theo chương trình, đề án, nhiệm vụ được giao do ngân sách nhà nước hỗ trợ. |
|            | Dịch vụ dạy và thực hành kỹ thuật nghề nghiệp, các hoạt động lao động sản xuất và hoạt động khác phục vụ học tập được Nhà nước hỗ trợ ngân sách theo quy định.  |
| 4          | Dịch vụ biên soạn chương trình, giáo trình, định mức, tiêu chuẩn chất lượng đào tạo   |
| 5          | Dịch vụ khảo thí, kiểm định chất lượng giáo dục, đào tạo  |
| 6          | Các dịch vụ khác  |
|            | Nghiên cứu, tư vấn, xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo nhân lực theo nhu cầu xã hội và nhu cầu phát triển ngành Công Thương   |
|            | Điều tra, phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực ngành Công Thương  |
| <b>III</b> | <b>DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG THUỘC LĨNH VỰC SỰ NGHIỆP KINH TẾ, SỰ NGHIỆP KHÁC</b>   |
| 1          | Hoạt động thuộc lĩnh vực môi trường công nghiệp   |
| 2          | Hoạt động thuộc lĩnh vực hóa chất, quản lý hóa chất   |
| 3          | Hoạt động thuộc lĩnh vực quản lý cạnh tranh   |
| 4          | Hoạt động thuộc lĩnh vực khuyến công quốc gia   |
| 5          | Hoạt động thuộc lĩnh vực xúc tiến thương mại  |
| 6          | Hoạt động về sản xuất và tiêu dùng bền vững; hoạt động thực hiện đồng bộ phát triển và nâng cấp cụm ngành và chuỗi giá trị sản xuất các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh  |
| 7          | Hoạt động thuộc lĩnh vực thương mại điện tử   |
| 8          | Hoạt động thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin  |
| 9          | Hoạt động thông tin truyền thông của ngành công thương  |
| 10         | Hoạt động sản xuất sạch   |
| 11         | Hoạt động tăng trưởng xanh  |
| 12         | Hoạt động thuộc lĩnh vực tiết kiệm năng lượng, hiệu quả   |
| 13         | Hoạt động thuộc lĩnh vực điều tiết điện lực và thị trường điện lực  |

| IV | DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ  |
|----|--|
| 1  | Thực hiện đánh giá môi trường lao động; giám sát quan trắc môi trường lao động trong ngành công thương.  |
| 2  | Tham gia xử lý các tình huống cấp cứu do các yếu tố độc hại, tai nạn nghề nghiệp trong ngành.  |
| 3  | Lập hồ sơ theo dõi và lưu giữ kết quả vệ sinh môi trường lao động trong ngành để phục vụ công tác quản lý.   |
| 4  | Tổ chức khám, phát hiện bệnh nghề nghiệp và tham gia đánh giá tình trạng bệnh nghề nghiệp trong ngành công thương.   |
| 5  | Lập hồ sơ và xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý, phân loại sức khỏe người lao động, tổ chức thống kê tình hình mắc bệnh nghề nghiệp; tình hình bệnh tật trong ngành Công Thương.   |
| 6  | Nghiên cứu xác định tỷ lệ mắc bệnh nghề nghiệp và lập danh mục bệnh nghề nghiệp đặc thù của ngành Công Thương.   |
| 7  | Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ về phòng chống dịch bệnh, tai nạn lao động, tai nạn thương tích và các chương trình y tế quốc gia khác.  |
| 8  | Phối hợp tham gia hoặc tổ chức thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, tuyên truyền giáo dục sức khỏe nghề nghiệp, vệ sinh môi trường lao động, phòng chống dịch bệnh cho cán bộ y tế trong ngành Công Thương. |
| 9  | Khám; điều trị, phục hồi chức năng, bệnh nghề nghiệp và phòng chống dịch bệnh trong ngành.   |
| 10 | Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ về HIV/AIDS, tệ nạn ma túy, mại dâm; dân số kế hoạch hóa gia đình.   |